TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông lại Hữu Tâm

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1084/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 125/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 346/40, khu phố 3, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lý Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: D6/7, ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc M trình bày:

Bà và ông Lý Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2003 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2003. Do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên bà M đã bỏ ra ngoài sống từ năm 2007 và vợ chồng bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà M nhận thấy không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lý Văn L.

Về con chung: Bà và ông Lý Văn L có 02 (hai) con chung tên Lý Quỳnh Đ, sinh ngày 08/10/2003 và Lý Ngọc Hồng H, sinh ngày 02/7/2005. Hiện nay 02 con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án. Bà đã có bản tự khai gửi Tòa án. Bà nộp Tòa án đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Lý Văn L vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lý Văn L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tống đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án ly hôn với ông Lý Văn L và ông Lý Văn L có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lý Văn L đã được Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lý Văn L đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Lý Văn L vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, ông Lý Văn L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ thu thập được để xem xét giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2003 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2003 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Ngọc M và ông Lý Văn L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị Ngọc M xác nhận trong thời gian chung sống do vợ chồng không hòa hợp, mẫu thuẫn trong cuộc sống và công việc, tính cách hai người không giống nhau, không thể hàn gắn được nên bà Đỗ Thị Ngọc M đã bỏ ra ngoài sống từ năm 2007 và vợ chồng bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lý Văn L đến Tòa làm việc nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông L cũng không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà M. Xét, Bà M khai vợ chồng mâu thuẫn với nhau và không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Ngọc M.

[2.3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà Đỗ Thị Ngọc M và các bản sao Giấy khai sinh có đủ căn cứ xác định bà Đỗ Thị Ngọc M và ông Lý Văn L có 02 (hai) con chung đã trưởng thành là anh Lý Quỳnh Đ, sinh ngày 08/10/2003 và chị Lý Ngọc Hồng H, sinh ngày 02/7/2005, nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Ngọc M xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc M là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc M phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ngọc M được ly hôn với ông Lý Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2003 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Ngọc M và ông Lý Văn L có 02 (hai) con chung tên Lý Quỳnh Đ, sinh ngày 08/10/2003 và Lý Ngọc Hồng H, sinh ngày 02/7/2005, hiện đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0020979 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Ngọc M và ông Lý Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND xã A, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hoài Thu